

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản số: 33/2023/HS-ST

Ngày 28 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Quang
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1997, tại huyện M, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Đội 3, H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trịnh Thị D; có vợ Nguyễn Lê H (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 258/2023/HS-ST ngày 26/6/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu con dấu của cơ quan, tổ chức”.

Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã, bị tạm giữ từ ngày 30/9/2022 đến ngày 03/10/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị hại: Anh Bùi Nam A, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Số nhà 61, đường T, tổ 3, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lưu Trung K, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm chợ, thôn N, xã H, huyện H, thành phố Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Lê H, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 111, tổ 10, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Đinh Văn T, sinh năm 1993;

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994;

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cửa hàng kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái Đại Phát, địa chỉ số nhà 61, đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, đại diện hộ kinh doanh là anh Bùi Nam A, sinh năm 1990, trú tại tổ 3, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Thời điểm tháng 11/2021, cửa hàng Đại Phát có tổng số 03 xe ô tô cho thuê tự lái gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SELTOS, Biển số đăng ký 35A-235.23; 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA RUSH, Biển số đăng ký 35A-230.19; 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI ACCENT, Biển số đăng ký 35A-138.82. Anh Bùi Nam A có thuê anh Đinh Văn T, sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố Đ, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình làm nhân viên của cửa hàng thuê xe ô tô Đại Phát, được giao nhiệm vụ đón tiếp, hướng dẫn khách làm thủ tục thuê xe ô tô tự lái, kiểm tra thông tin giấy tờ của khách, thông báo nội dung cho anh Bùi Nam A biết. Khi đảm bảo các điều kiện trên thì nhân viên cửa hàng sẽ lập hợp đồng cho thuê, giao xe kèm giấy tờ liên quan đến xe ô tô cho khách hàng sau đó cập nhật, ghi chép các thông tin của khách đến thuê xe vào sổ ghi chép nhật trình xe theo dõi của cửa hàng.

Tháng 02/2021, Nguyễn Văn T kết hôn với chị Nguyễn Lê H, sinh năm 1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 111, tổ 10, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình và cả hai đăng ký tạm trú tại tổ 4, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Đến ngày 19/11/2021 T và chị H ly hôn. Trong thời gian còn chung sống với nhau chị H và T nhiều lần đến cửa hàng Đại Phát của anh Bùi Nam A thuê xe ô tô tự lái, trong đó có 08 lần thuê xe thể hiện trên hợp đồng. Các lần còn lại chỉ thể hiện trong sổ ghi chép nhật trình thuê xe tại cửa hàng. Khi đến thuê xe ô tô có lần cả hai người cùng đến làm thủ tục, có lần chỉ một mình T đến làm thủ tục thuê xe, nhưng khi đó chị H đều liên lạc thông báo trước với anh Bùi Nam A hoặc nhân viên của cửa hàng là anh Đinh Văn T và T chuyển hợp đồng thuê xe về cho chị H ký (vì T không phải là người địa phương nên cửa hàng Đại Phát chỉ cho chị H đứng tên thuê xe). Do là khách quen nên việc chị H và T đến thuê xe thì nhân viên cửa hàng không thu giữ bất kỳ giấy tờ gì mà chỉ cần chị H ký vào hợp đồng thuê xe, thỏa thuận cứ sau 03 ngày sẽ thanh toán tiền thuê xe một lần.

Ngày 24/10/2021, chị Nguyễn Lê H ký hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu KIA SELTOS, Biển số đăng ký 35A-235.23 thời hạn thuê xe là 02 tháng (kể từ ngày 24/10/2021 đến ngày 24/12/2021) giá thuê là 1.000.000 đồng/1 ngày. Tuy nhiên, đến ngày 03/11/2021 do không có nhu cầu đi lại chị H đã thanh toán tiền thuê xe với tổng số tiền là 10.800.000 đồng và đã trả lại xe cho cửa hàng Đại Phát. Nhân viên cửa hàng đã ghi chép nội dung này vào sổ nhật trình theo dõi xe của cửa hàng.

Ngày 05/11/2021, Nguyễn Văn T đến cửa hàng Đại Phát thuê xe ô tô nhãn hiệu KIA SELTOS, Biển số đăng ký 35A-235.23 và không nói cho chị H

biết. T đã tự ký tên chị H vào hợp đồng thuê xe đưa cho anh Đinh Văn T, sau đó nhận xe cùng các giấy tờ liên quan và sử dụng xe ô tô trên phục vụ đi lại cá nhân. Anh Đinh Văn T xác định ngày 05/11/2021 khi giao xe cho Nguyễn Văn T thuê có lập hợp đồng thuê xe ô tô đưa cho T mang về cho chị H ký. Sau đó, T mang hợp đồng đến có chữ ký tên H đưa cho anh Đinh Văn T nên anh Đinh Văn T đã giao xe cho T. Tuy nhiên đến nay, tại cửa hàng Đại Phát chỉ còn lưu giữ 08 hợp đồng thuê xe (trong đó có hợp đồng ngày 24/10/2021 như đã nêu trên), không còn hợp đồng ngày 05/11/2021 nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, ngày giao xe 05/11/2021 chỉ còn trong sổ ghi chép nhật trình thuê xe của cửa hàng. Khi thuê xe T nói với anh Đinh Văn T thuê trong thời hạn 02 tháng, khi nào trả xe sẽ thông báo trước, giá thuê xe là 1.000.000 đồng/1 ngày, cứ 03 ngày thanh toán tiền thuê xe. Trong thời gian đang thuê xe, do cần tiền tiêu xài cá nhân và nghe thông tin anh Lưu Trung K, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã H, huyện H, thành phố Hà Nội có tiền cho vay nhưng T không biết nhà ở cụ thể. Ngày 15/11/2021, T gặp và nhờ anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, tạm trú tại thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội dẫn đến nhà anh K. Khi gặp anh K, T hỏi vay anh K số tiền 120.000.000 đồng, đồng thời T nói với anh K để lại xe ô tô nhãn hiệu KIA SELTOS, Biển số đăng ký 35A-235.23 để làm tin. T nói với anh K đây là xe ô tô do vợ T (chị H) mua cho T. T đưa cho anh K bản phô tô căn cước công dân mang tên T và giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô trên, T nói với anh K nếu cần thiết sẽ đưa giấy đăng ký xe ô tô sau. Anh K đồng ý và chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Techcombank, số tài khoản 19031963120013 của mình đến số tài khoản Ngân hàng Quân đội số 9876500056789 của Nguyễn Văn T số tiền là 83.250.000 đồng và đưa tiền mặt là 36.750.000 đồng cho T. Đến ngày 17/11/2021, T tiếp tục đến nhà anh K hỏi vay tiền, anh K đồng ý cho T vay thêm số tiền 150.000.000 đồng, anh K chuyển từ tài khoản 19031963120013 đến số tài khoản 9876500056789 của Nguyễn Văn T số tiền 22.500.000 đồng và đưa tiền mặt là 127.500.000 đồng.

Trong thời gian này, xác định không còn khả năng để trả nợ anh K, T nảy sinh ý định thuê người làm giả giấy đăng ký xe ô tô Biển số đăng ký 35A-235.23 để bán xe cho anh K nhằm thanh toán khoản tiền nợ đã vay và lấy thêm tiền để chi tiêu cá nhân. T sử dụng ứng dụng Messenger trên điện thoại di động, tìm các trang mạng trên Internet giới thiệu về việc làm giả giấy tờ sau đó đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô KIA SELTOS, Biển số đăng ký 35A-235.23 mang tên Nguyễn Văn T với giá 3.500.000 đồng. T lấy thông tin đặc điểm xe ô tô Biển số đăng ký 35A-235.23 trên các giấy tờ kèm theo khi thuê chiếc xe này tại cửa hàng Đại Phát, đồng thời cung cấp thêm thông tin cá nhân của mình để đặt làm giả. Sau đó, T hẹn trước thời gian, địa điểm và nhận trực tiếp đăng ký xe giả số 35 002651, giao tiền mặt trực tiếp cho người shipper số tiền 3.500.000 đồng tại khu vực bến xe Mỹ Đình. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, ngày 22/11/2021, T đến nhà đưa cho anh K đặt vấn đề muốn bán chiếc xe ô tô Biển số đăng ký 35A-235.23 cho anh K với giá 450.000.000 đồng. Sau khi kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 35 002651 và các giấy tờ liên quan, tin tưởng chiếc xe ô tô trên đúng là tài sản của T, anh K đồng ý mua. T viết 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 22/11/2021

rồi giao cho anh K và nhận thêm số tiền 180.000.000 đồng từ anh K, gồm anh K chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng Techcombank, số tài khoản 19031963120013 của mình đến số tài khoản Ngân hàng Quân đội số 9876500056789 của Nguyễn Văn T số tiền là 2.000.000 đồng, giao tiền mặt 178.000.000 đồng (do trước đó ngày 15/11/2021 và ngày 17/11/2021 T đã nhận của anh K tổng số tiền là 270.000.000 đồng). Việc anh K cho T vay tiền và T đặt lại xe ô tô nêu trên để làm tin, hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

Sau khi bán xe ô tô cho anh K, T vẫn tiếp tục thanh toán tiền thuê xe cho anh Bùi Nam A, trong đó có một lần chị Nguyễn Lê H chuyển tiền trả hộ cho T vào ngày 10/12/2021 (đây cũng là thời điểm cuối cùng anh Bùi Nam A nhận được tiền T trả tiền thuê xe ô tô trên). Tổng số tiền thuê xe ô tô Biển số đăng ký 35A-235.23 từ ngày 05/11/2021 đến ngày 12/10/2021, anh Bùi Nam A đã nhận là 34.000.000 đồng (trong đó Nguyễn Văn T thanh toán các lần và số tiền chuyển khoản cho anh Bùi Nam A cụ thể vào ngày 08/11/2021 số tiền 3.000.000 đồng, ngày 11/11/2021 số tiền 3.000.000 đồng, ngày 15/11/2021 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 19/11/2021 số tiền 3.000.000 đồng, ngày 22/11/2021 số tiền 2.000.000 đồng, ngày 25/11/2021, số tiền 3.000.000 đồng, ngày 01/12/2021 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 06/12/2021 số tiền 5.000.000 đồng và chị Nguyễn Lê H thanh toán cho T 1 lần ngày 10/12/2021 số tiền 5.000.000 đồng).

Sau ngày 10/12/2021, anh Bùi Nam A nhiều lần liên lạc với T để yêu cầu T trả tiền thuê xe nhưng không được nên đã kiểm tra định vị chiếc xe ô tô Biển số đăng ký 35A-235.23 thì xác định vị trí chiếc xe ô tô này ở khu vực xã H, huyện H, thành phố Hà Nội. Theo định vị anh Bùi Nam A phát hiện chiếc xe ô tô của mình đang ở nhà anh Lưu Trung K nên đã đến gặp anh K thì được biết Nguyễn Văn T đã bán chiếc xe ô tô trên cho anh K vào ngày 22/11/2021. Sau đó, anh Bùi Nam A đã làm đơn trình báo sự việc gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

*** Việc thu giữ vật chứng, tài liệu và Trưng cầu giám định:**

- Ngày 25/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành làm việc với anh Lưu Trung K. Quá trình làm việc anh Lưu Trung K giao nộp.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SELTOS, biển số đăng ký 35A-235.23, màu sơn đỏ đen, số máy: G4LDMD048173, số khung RNYED51D7MC223053.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 35 002651 mang tên Nguyễn Văn T, địa chỉ tổ 4, B, thành phố T, Ninh Bình, nhãn hiệu: KIA, số loại: SELTOS, số máy: G4LDMD048173, số khung RNYED51D7MC223053, màu sơn: đỏ đen, số chỗ: 5, biển số đăng ký: 35A-235.23.

+ 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 5962805 đối với phương tiện, biển đăng ký 35A-235.23.

+ 01 (một) Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa Nguyễn Văn T và anh Lưu Trung K ngày 22/11/2021.

- Ngày 22/02/2022 anh Bùi Nam A giao nộp cho Cơ quan Công an thành phố T 01 Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái đề ngày 24/10/2021 giữa bên cho thuê (bên A) là Bùi Nam A và bên thuê xe (bên B) là Nguyễn Lê H;

- Ngày 28/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T trưng cầu hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T, tiến hành định giá xe ô tô nhãn hiệu KIA SELTOS, biển số đăng ký 35A-235.23.

- Tại kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 04/03/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận “*Giá trị 01 xe ô tô con, nhãn hiệu KIA SELTOS, biển kiểm soát 35A-235.23, màu sơn đỏ đen, số máy: G4LDMD048173, số khung RNYED51D7MC223053, xe đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 22/11/2021 là 607.050.000 đồng*”.

- Ngày 26/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T quyết định Trưng cầu giám định tài liệu gồm:

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 35 002651 mang tên Nguyễn Văn T, địa chỉ tổ 4, B, thành phố T, Ninh Bình, nhãn hiệu: KIA, số loại: SELTOS, số máy: G4LDMD048173, số khung RNYED51D7MC223053, màu sơn: đỏ, số chỗ: 5, biển số đăng ký: 35A-235.23.(Ký hiệu A1)

+ 01 (một) Hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 22/11/2021 giữa bên bán (bên A) Nguyễn Văn T, sinh năm 1997, HKTT: đội 3, H, xã Đ, huyện M, Hà Nội và bên mua (bên B) Lưu Trung K. Dưới mục “Bên bán” có chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T, (Ký hiệu A2)

+ 01 Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái đề ngày 24/10/2021 giữa bên cho thuê (bên A) là Bùi Nam A và bên thuê xe (bên B) là Nguyễn Lê H, (Ký hiệu A3)

- Tại Kết luận giám định số 405/KL-KTHS-TL ngày 06/6/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

“1. “*Chứng nhận đăng ký xe ô tô*” số 35 002651, đề ngày 29/04/2021, đứng tên chủ xe Nguyễn Văn T, ký hiệu A1 là chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

2. *Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Lê H dưới mục “Đại diện bên B” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Lê H tại các mục được mô tả trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M7 do cùng một người ký, viết ra.*

3. *Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T dưới mục “Bên bán” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T tại các mục được mô tả trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7 đến M9 do cùng một người ký, viết ra”.*

* Ngoài hành vi trên, khoảng tháng 7/2021, Nguyễn Văn T còn thuê người làm giả đăng ký xe ô tô Biển số đăng ký 35A-239.43 của chị Nguyễn Lê Hòa mang tên Nguyễn Văn T, sau đó T mang bán cho anh Nguyễn Thái Vinh T, sinh năm 1985, trú tại: tổ 22, phường N, Quận L, thành phố Hà Nội chiếm đoạt số tiền 525.000.000 đồng rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Căn cứ tài liệu điều tra, ngày 16/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ngày 14/6/2022 ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, quy định tại Điều 174

và Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Hiện vụ án trên đang được các Cơ quan tố tụng thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*** Về xử lý vật chứng, tài liệu đã thu giữ:**

- Ngày 10/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô nhãn hiệu: KIA SELTOS, Biển số đăng ký 35A-235.23 và Giấy chứng nhận kiểm định số KD 5962805 đối với phương tiện biển đăng ký 35A-235.23 cho chủ sở hữu là anh Bùi Nam A.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Quá trình điều tra anh Bùi Nam A xác định: ngày 05/11/2021 cửa hàng Đại Phát cho Nguyễn Văn T thuê xe ô tô biển số đăng ký 35A-235.23 hai bên thỏa thuận thời hạn thuê là 02 tháng (từ ngày 05/11/2021 đến ngày 05/01/2022). Từ ngày 05/11/2021 đến ngày 10/12/2021, anh Bùi Nam A đã nhận tổng số tiền thuê xe trên là 34.000.000 đồng do T và chị H trả. Đối chiếu với thời hạn thuê xe ngày 05/11/2021 Nguyễn Văn T còn thiếu số tiền thuê xe là 26.000.000 đồng tương ứng với 26 ngày thuê xe theo thỏa thuận. Đến ngày 10/3/2022 anh Bùi Nam A nhận lại xe ô tô trên. Anh Bùi Nam A yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường cho anh số tiền tương ứng với thời gian xe ô tô ngừng hoạt động (từ ngày 06/01/2022 đến ngày 10/03/2022) với số tiền là 64.000.000 đồng. Như vậy, anh Bùi Nam A đề nghị Nguyễn Văn T phải bồi thường tổng số tiền là 90.000.000 đồng.

- Anh Lưu Trung K do tin tưởng xe ô tô Biển số đăng ký 35A-235.23 mang tên Nguyễn Văn T là tài sản của T nên đã đồng ý mua xe với giá 450.000.000 đồng. Do vậy, anh Lưu Trung K đề nghị Nguyễn Văn T phải trả lại cho anh số tiền 450.000.000 đồng đã mua xe ô tô trên.

- Ngày 10/12/2021, chị Nguyễn Lê H có chuyển khoản cho anh Bùi Nam A số tiền 5.000.000 đồng để trả tiền thuê xe ô tô cho Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra chị H không yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS NB-P2 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Nguyễn Văn T về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4, khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng, đến phần luận tội đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 13 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 năm đến 16 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 258/2023/HSST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt từ 29 năm đến 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/9/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Bùi Nam A số tiền là 90.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 450.000.000 đồng cho anh Lưu Trung K.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với bản kết luận giám định: Số 04/KL- HĐĐG ngày 04/03/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tam Điệp; Kết luận giám định số 405/KL-KTHS-TL ngày 06/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 05/11/2021, Nguyễn Văn T đến cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái Đại Phát do anh Bùi Nam A làm đại diện, địa chỉ số nhà 61, đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, thuê xe ô tô nhãn hiệu: KIA SELTOS, Biển số đăng ký 35A-235.23 sử dụng đi lại cá nhân. Sau khi thuê xe một thời gian, do cần tiền tiêu xài cá nhân, T mang xe đến nhà anh Lưu Trung K ở thôn N, xã H, huyện H, thành phố Hà Nội đặt chiếc xe trên làm tin để vay tiền, sau đó vào mạng Internet, sử dụng ứng dụng Messenger trên điện thoại di động thuê người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số đăng ký 35A-235.23 mang tên Nguyễn Văn T. Ngày 22/11/2021, sau khi nhận đăng ký xe ô tô giả, T cầm đến nhà anh K viết giấy bán xe ô tô trên cho anh Lưu Trung K chiếm đoạt số tiền 450.000.000 đồng. Tại thời điểm chiếm đoạt theo kết luận định giá xe ô tô biển số đăng ký 35A-235.23 giá trị 607.050.000 đồng. Sau đó T bỏ trốn khỏi địa phương.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả tài liệu con dấu của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp sử dụng tài liệu, con dấu thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2.

3. ...

4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 341: Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a)...

....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a)...

b) *Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;*

...

4. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên và đến phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình thay đổi tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” sang tội “Làm giả tài liệu con dấu của cơ quan, tổ chức” (đây là tội danh ghép trong cùng điều luật) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, tổ chức, xâm phạm các lợi ích của Nhà nước, các tổ chức và của công dân, tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh, cách ly khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm hai tội nên cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của Bản án này với hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 258/2023/HSST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu con dấu của cơ quan, tổ chức”.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện không còn tài sản và cũng chưa bồi thường được cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo cả hai tội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Bùi Nam A số tiền còn thiếu theo hợp đồng thuê xe (từ 05/11/2021 đến ngày 06/01/2022) là 26 ngày thuê xe theo thỏa thuận với số tiền 26.000.000 đồng và số tiền tương ứng với thời gian xe ô tô ngừng hoạt động từ ngày 6/01/2022 đến 10/03/2022 (ngày anh

Bùi Nam A nhận lại xe) là 64.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Bùi Nam A số tiền là 90.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho anh Lưu Trung K là 450.000.000 đồng.

[4] Về nguồn gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả biển số đăng ký 35A-235.23 mang tên Nguyễn Văn T bị cáo khai vào mạng Internet, sử dụng ứng dụng Messenger trên điện thoại di động thuê người làm giả với giá 3.500.000 đồng. T không nhớ đã sử dụng tài khoản Messenger nào, tên, địa chỉ trang mạng liên hệ cung cấp thông tin cá nhân. Quá trình bỏ trốn, T đã bán chiếc điện thoại trên, không nhớ tài khoản, mật khẩu để đăng nhập tài khoản Facebook của mình. Do vậy, không có căn cứ để điều tra, xử lý. Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả nêu trên được niêm phong và chuyển lưu theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra xác định chị Nguyễn Lê H có thuê chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 35A-235.23 vào ngày 24/10/2021 của cửa hàng Đại Phát. Nhưng đến ngày 03/11/2021 đã trả xe và thanh toán đầy đủ tiền thuê xe cho cửa hàng. Việc Nguyễn Văn T đến thuê xe ô tô trên ngày 05/11/2021 tại cửa hàng Đại Phát chị H không biết. Đến đầu tháng 12/2021, khi được anh Bùi Nam A thông báo thì chị H mới biết. Lúc này mặc dù đã ly hôn, nhưng nghĩ T thiếu tiền thuê xe, nên chị H đã chuyển trả tiền thuê xe cho anh Bùi Nam A một lần vào ngày 10/12/2021 với số tiền 5.000.000 đồng, việc T bán xe ô tô trên chị H không biết. Do hợp đồng thuê xe ngày 05/11/2021, Cơ quan điều tra không thu giữ được, nên không có căn cứ giám định chữ ký của những người tham gia ký kết, bản thân T khai tự ký mạo danh chị H. Do vậy, chị H không liên quan đến việc phạm tội của Nguyễn Văn T.

[5] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với việc cử Luật sư bào chữa cho bị cáo: Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cao nhất đến 20 năm tù. Theo quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự thuộc trường hợp được các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định người bào chữa nhưng bị cáo đã từ chối người bào chữa. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo vẫn giữ quan điểm từ chối không cần người bào chữa. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bị cáo theo thủ tục chung.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu con dấu của cơ quan, tổ chức*”.

2. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 13 (mười ba) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu con dấu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của Bản án này với hình phạt 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu con dấu của cơ quan, tổ chức*” của Bản án hình sự sơ thẩm số 258/2023/HS-ST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **30 (ba mươi) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/9/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Bùi Nam A số tiền 90.000.000đ (*chín mươi triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại cho anh Lưu Trung K số tiền đã chiếm đoạt là 450.000.000đ (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả hết số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 25.600.000 đồng (*hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (01 bản);
 - VKSND cấp cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản);
 - Phòng PC01 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (01 bản);
 - Bị hại (01 bản);
 - Người có QLNVLQ;
 - Trại giam (01 bản);
 - Sở tư pháp (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa , Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Thảo